



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 183 + 184

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |  |    |
|-------------|--|----|
| 07-02-2025- | Quyết định số 487/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.    | 2  |
| 07-02-2025- | Quyết định số 488/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương. | 9  |
| 12-02-2025- | Quyết định số 544/QĐ-UBND phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Y tế quản lý năm 2025.                    | 44 |
| 12-02-2025- | Quyết định số 550/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.             | 71 |

## VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 487/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý công sản  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật  
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ  
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm  
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến  
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục  
hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 789/TTr-STC-VP ngày 06  
tháng 02 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính mới  
ban hành trong lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở

Tài chính.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	<p><b><i>Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý:</i></b></p> <p>Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Chủ đầu tư dự án, Cơ quan về thủy lợi cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản.</p> <p><b><i>Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý:</i></b></p> <p>- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của chủ đầu tư dự án, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp huyện và cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao tài sản.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Không	<p>- Nghị định số 8/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>- Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/BB tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 8/2025/NĐ-CP.			
2	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi.</li> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.</li> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo các hình thức quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 8/2025/NĐ-CP, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 22 Nghị định số 8/2025/NĐ-CP xem xét, quyết định.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 8/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</li> <li>- Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</li> </ul>
3	Điều chuyển tài sản kết	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp có tài sản, cơ quan chuyên môn về	Sở Nông nghiệp và	Không	- Nghị định số 8/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	cầu hạ tầng thủy lợi	<p>thủy lợi cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trong trường hợp chưa có văn bản đồng ý tiếp nhận tài sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản.</p> <p>- Trên cơ sở hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính xem xét, ban hành Quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền, doanh nghiệp có tài sản điều chuyển và cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhận tài sản có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 8/2025/NĐ-CP.</p>	Phát triển nông thôn		<p>2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>- Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</p>
4	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp	<p>- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp có tài sản, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh:</p> <p>+ Xem xét, quyết định thanh lý/xử lý đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của mình theo phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 8/2025/NĐ-CP hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân quận,	Không	<p>- Nghị định số 8/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>- Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24 tháng 01</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	bị mất, hủy hoại	<p>lý/xử lý tài sản không phù hợp.</p> <p>+ Xem xét, có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thanh lý/xử lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, doanh nghiệp có tài sản thanh lý/xử lý thực hiện như sau:</p> <p>+ Đối với thủ tục thanh lý tài sản: Doanh nghiệp có tài sản thanh lý tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản; kiểm đếm, phân loại vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định 8/2025/NĐ-CP.</p> <p>+ Đối với thủ tục xử lý tài sản: Doanh nghiệp được giao tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo theo quy định tại Nghị định số 8/2025/NĐ-CP (báo cáo theo Mẫu 01D tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số</p>	huyện, thành phố Thủ Đức		năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		8/2025/NĐ-CP).			
5	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	<p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả chi phí xử lý tài sản.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản.</p>	Sở Tài chính; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện	Không	<p>- Nghị định số 8/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>- Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</p>



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 488/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 8695/TTr-SCT ngày 20 tháng 12 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Công Thương.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH****Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC  
THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

<b>Stt</b>	<b>Tên thủ tục</b>
<b>Lĩnh vực điện</b>	
1.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia
2.	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia
3.	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia

**QUY TRÌNH 01****Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất,  
tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>Stt</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Giấy đăng ký Lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)	01	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: bản chính - Nộp trực tuyến: bản chính điện tử
2	Hộ gia đình, nhà ở riêng lẻ cung cấp tài liệu kèm theo: - Bản vẽ thiết kế lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ. - Bản sao giấy phép xây dựng của công trình (nếu có) theo quy định của pháp luật.	01	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: bản chính hoặc bản sao - Nộp trực tuyến: bản chính điện tử hoặc bản sao điện tử
3	Đối tượng còn lại cung cấp tài liệu kèm theo: - Bản vẽ thiết kế lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ. - Các bản sao chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng, biên bản nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, kết quả nghiệm thu công trình xây dựng hiện hữu, tài liệu về bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có) theo quy định của pháp luật.	01	- Nộp trực tiếp: bản chính hoặc bản sao - Nộp trực tuyến: bản chính điện tử hoặc bản sao điện tử

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Phí thẩm định</b>
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nhận hồ sơ trực tiếp hoặc hồ sơ gửi qua Bưu điện hoặc hồ sơ gửi qua Cổng dịch vụ công của Thành phố tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>	6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	không

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/ Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
B1	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	<b>Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ</b>	Bộ phận một cửa	$\frac{1}{4}$ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<p><b>Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> </ul> <p><b>Tiếp nhận hồ sơ gửi qua bưu điện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>nhận hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> </ul> <p><b>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</li> </ul> <p>=&gt; thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					- Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử. Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn
B3	<b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng Quản lý Năng lượng	$\frac{1}{4}$ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	<b>Thẩm định hồ sơ đề xuất kết quả giải quyết TTHC của hồ sơ</b>	Công chức thụ lý hồ sơ Quản lý Năng lượng	04 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả	<p>- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, soạn thảo văn bản để lấy ý kiến đơn vị điện lực địa phương về điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ theo quy định (đơn vị điện lực địa phương xem xét, giải quyết và gửi ý kiến cho Sở Công Thương trong thời hạn tối đa 07 ngày).</p> <p>- Sau khi nhận được văn bản ý kiến của đơn vị điện lực địa phương, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.</p>
B5	<b>Xem xét, trình ký</b>	Lãnh đạo Quản lý Năng lượng	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<p>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét, duyệt dự thảo văn bản để lấy ý kiến đơn vị điện lực địa phương về điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.</p> <p>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					chứng nhận BM 05 hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B6	<b>Phê duyệt kết quả TTHC</b>	Lãnh đạo Sở	½ ngày làm việc	Hồ sơ trình	- Phê duyệt văn bản đề lấy ý kiến đơn vị điện lực địa phương về điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ. - Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (BM 05).
B7	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển văn bản đến đơn vị điện lực địa phương. - Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B8	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ



4	BM04	Giấy đăng ký Lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia (Theo mẫu số 01 tại Phụ lục Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)
5	BM05	Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ (Theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024).

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đăng ký Lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia (Mẫu số 01 - Phụ lục Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ (Theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024).

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày /10/2024 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;

- Quyết định số 3056/QĐ-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

**Biểu mẫu 04**

(Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm  
Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)

**TÊN TỔ CHỨC/HỘ GIA ĐÌNH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày ..... tháng.....năm.....

### **GIẤY ĐĂNG KÝ**

**Lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ  
có đấu nối với hệ thống điện quốc gia**

Kính gửi: Sở Công Thương.....

*Căn cứ Nghị định số... .. /NĐ-CP ngày... .. tháng... .. năm của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;*

*Căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

*Căn cứ Quy hoạch tỉnh..... thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh ..... thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

Tổ chức/Hộ gia đình đăng ký triển khai điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia với các nội dung sau:

#### **I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức/hộ gia đình đăng ký

a) Tên:

b) Địa chỉ:

c) Số điện thoại:

d) Email:

đ) Mã số khách hàng sử dụng điện:

2. Vị trí lắp đặt:

3. Thông tin mô tả sơ bộ về công trình xây dựng hiện hữu:

a) Cấp công trình:

b) Kết cấu: Bê tông cốt thép/Khung thép/...; mái bê tông/mái tôn/...

c) Chiều cao công trình:

d) Diện tích mái:

đ) Các hoạt động sản xuất, kinh doanh... đang thực hiện:

4. Công suất lắp đặt (kW): (tổng công suất định mức của các bộ chuyển đổi nghịch lưu - inverter).

5. Công suất sử dụng lớn nhất ... (kW) và công suất sử dụng trung bình ... (kW) của phụ tải tại thời điểm đăng ký.

6. Vị trí, điểm dự kiến đấu nối: (trước hay sau công tơ đo đếm điện hiện hữu)

7. Cấp điện áp đấu nối:

8. Phương án bảo đảm an toàn hệ thống điện:

9. Phương án xử lý sản lượng điện dư (*chọn 1 trong 2 phương án sau*):

- Đồng ý phát sản lượng điện dư vào hệ thống điện quốc gia và chịu trách nhiệm đầu tư, lắp đặt công tơ điện tử theo chu kỳ từng giờ trong ngày và hệ thống kết nối với hệ thống thu thập dữ liệu từ xa của đơn vị điện lực, bảo đảm thiết bị phù hợp với quy định của pháp luật.

- Không phát sản lượng điện dư vào hệ thống điện quốc gia và tự lắp đặt thiết bị chống phát ngược, tự chịu trách nhiệm đối với kiểm định về an toàn điện, tuân thủ các quy trình, quy chuẩn quản lý vận hành công trình điện và các quy định về điều kiện kỹ thuật, nghiệm thu an toàn theo quy định.

10. Thời gian dự kiến lắp đặt và thời gian hoàn thành:

## II. Hồ sơ kèm theo

1. Đối với các hộ dân, nhà ở riêng lẻ:

a) Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

b) Các hồ sơ, tài liệu (nếu có) liên quan đến công trình xây dựng hiện hữu (giấy

phép xây dựng, nghiệm thu phòng cháy chữa cháy) làm căn cứ xác định công trình xây dựng đã được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức:

a) Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ và bản vẽ sơ đồ đấu nối điện.

b) Các hồ sơ, tài liệu (nếu có) liên quan đến công trình xây dựng hiện hữu (chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng, nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, kết quả nghiệm thu công trình xây dựng, báo cáo đánh giá/kế hoạch bảo vệ môi trường, giấy phép về môi trường) làm căn cứ xác định công trình xây dựng đã được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

### **III. Các cam kết**

[Tên tổ chức/cá nhân] thực hiện xây dựng, lắp đặt, vận hành điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát triển với các cam kết như sau:

- Bảo đảm an toàn công trình, phòng cháy chữa cháy, công tác bảo vệ môi trường trước, trong khi lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;

- Mua sắm, xây dựng, lắp đặt hệ thống các thiết bị phục vụ phát điện tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật. Không sử dụng các tấm quang điện, thiết bị chuyển đổi điện một chiều thành điện xoay chiều nhập khẩu đã qua sử dụng;

- Thực hiện tiến độ đúng với thời hạn đăng ký phát triển tại điểm 6 Mục I nêu trên;

- Bảo đảm an toàn xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy trong vận hành.

- Không vi phạm các hành vi trái quy định trong quá trình phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

### **IV. Thông tin trả kết quả hồ sơ**

1. Tên cơ quan, tổ chức/hộ gia đình đăng ký:

2. Địa chỉ:

3. Đề nghị trả kết quả qua Email:

Để có cơ sở triển khai thực hiện lắp đặt theo quy định, Tổ chức/Hộ gia đình

---

chúng tôi đề nghị Sở Công Thương tỉnh/Thành phố.... căn cứ theo quy định tiếp nhận hồ sơ, xem xét chấp thuận.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  
**(ký, ghi rõ họ tên)**

**(Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm  
Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng.....năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐĂNG KÝ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ**  
**TỰ SẢN XUẤT, TỰ TIÊU THỤ**

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ..... tháng..... năm 2024 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia;

Căn cứ Giấy đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ của..... (tổ chức/cá nhân) ngày ... tháng ... năm ... và các tài liệu kèm theo;

Căn cứ ý kiến của đơn vị điện lực, chứng nhận:

**(Tên tổ chức, cá nhân)**.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....Email:.....

Đã đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.... (có đấu nối với hệ thống điện quốc gia/không đấu nối với hệ thống điện quốc gia).

Sản lượng điện dư: .....(có phát/ không phát vào hệ thống điện quốc gia trong trường hợp có đấu nối với hệ thống điện quốc gia)

Mái của công trình (nhà ở/nhà xưởng sản xuất/trụ sở.....)

Diện tích mái nhà (m<sup>2</sup>).....

Địa chỉ tại:.....

Công suất được lắp đặt (kW): .....

Thời gian hoàn thành lắp đặt (theo Giấy đăng ký):...

Yêu cầu tổ chức/cá nhân triển khai các thủ tục về đầu tư, xây dựng điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, môi trường, điện lực và pháp luật khác có liên quan.

Các yêu cầu khác (nếu có theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức):

Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

***Nơi nhận:***

- Tổ chức/cá nhân đăng ký phát triển;
- Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường, Công ty điện lực, cơ quan liên quan;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**QUY TRÌNH 02****Điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời  
mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>Stt</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Giấy đăng ký Lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)	01	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: bản chính - Nộp trực tuyến: bản chính điện tử
2	Hộ gia đình, nhà ở riêng lẻ cung cấp tài liệu: - Bản vẽ thiết kế lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ. - Bản sao giấy phép xây dựng của công trình hiện hữu (nếu có) theo quy định của pháp luật.	01	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: bản chính hoặc bản sao - Nộp trực tuyến: bản chính điện tử hoặc bản sao điện tử
3	Đối tượng còn lại cung cấp tài liệu: - Bản vẽ thiết kế lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ. - Bản sao chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng, biên bản nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, kết quả nghiệm thu công trình xây dựng hiện hữu, tài liệu về bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có) theo quy định của pháp luật.	01	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: bản chính hoặc bản sao - Nộp trực tuyến: bản chính điện tử hoặc bản sao điện tử



**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Phí thẩm định</b>
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Cổng dịch vụ công của Thành phố tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>	6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	không

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/ Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
B1	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	<b>Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ</b>	Bộ phận một cửa	$\frac{1}{4}$ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<p><b>Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> </ul> <p><b>Tiếp nhận hồ sơ gửi qua bưu điện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>nhận hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> </ul> <p><b>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</li> </ul> <p>=&gt; thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p>

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/ Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
					- Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử. Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn
B3	<b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng Quản lý Năng lượng	1/4 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	<b>Thẩm định hồ sơ đề xuất kết quả giải quyết TTHC của hồ sơ</b>	Công chức thụ lý hồ sơ Quản lý Năng lượng	4 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả	<p>- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, soạn thảo văn bản để lấy ý kiến đơn vị điện lực địa phương về điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ theo quy định (đơn vị điện lực địa phương xem xét, giải quyết và gửi ý kiến cho Sở Công Thương trong thời hạn tối đa 07 ngày).</p> <p>- Sau khi nhận được văn bản ý kiến của đơn vị điện lực địa phương, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.</p>
B5	<b>Xem xét, trình ký</b>	Lãnh đạo Quản lý Năng lượng	1/2 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<p>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét, duyệt dự thảo văn bản để lấy ý kiến đơn vị điện lực địa phương về điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.</p> <p>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					phép hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B6	<b>Phê duyệt kết quả TTHC</b>	Lãnh đạo Sở	½ ngày làm việc	Hồ sơ trình	- Phê duyệt văn bản đề lấy ý kiến đơn vị điện lực địa phương về điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ. - Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B7	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển văn bản đến đơn vị điện lực địa phương. - Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B8	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đăng ký Lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu

		thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia (Mẫu số 01 - Phụ lục Nghị định 135/2024/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ (Theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đăng ký Lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia (Mẫu số 01 - Phụ lục Nghị định 135/2024/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ (Theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày /10/2024 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;

- Quyết định số 3056/QĐ-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

**Biểu mẫu 04**

(Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm  
Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)

TÊN TỔ CHỨC/HỘ GIA ĐÌNH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng.....năm.....

### GIẤY ĐĂNG KÝ

**Lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất,  
tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia**

Kính gửi: Sở Công Thương.....

*Căn cứ Nghị định số... .. /NĐ-CP ngày... .. tháng... .. năm của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;*

*Căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

*Căn cứ Quy hoạch tỉnh..... thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh ..... thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

Tổ chức/Hộ gia đình đăng ký điều chỉnh, bổ sung triển khai điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia với các nội dung sau:

#### **I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức/hộ gia đình đăng ký

a) Tên:

b) Địa chỉ:

c) Số điện thoại:

d) Email:

đ) Mã số khách hàng sử dụng điện:

2. Vị trí lắp đặt:

3. Thông tin mô tả sơ bộ về công trình xây dựng hiện hữu:

a) Cấp công trình:

b) Kết cấu: Bê tông cốt thép/Khung thép/...; mái bê tông/mái tôn/...

c) Chiều cao công trình:

d) Diện tích mái:

đ) Các hoạt động sản xuất, kinh doanh... đang thực hiện:

4. Công suất lắp đặt (kW): (tổng công suất định mức của các bộ chuyển đổi nghịch lưu - inverter).

5. Công suất sử dụng lớn nhất ... (kW) và công suất sử dụng trung bình ... (kW) của phụ tải tại thời điểm đăng ký.

6. Vị trí, điểm dự kiến đấu nối: (trước hay sau công tơ đo đếm điện hiện hữu)

7. Cấp điện áp đấu nối:

8. Phương án bảo đảm an toàn hệ thống điện:

9. Phương án xử lý sản lượng điện dư (*chọn 1 trong 2 phương án sau*):

- Đồng ý phát sản lượng điện dư vào hệ thống điện quốc gia và chịu trách nhiệm đầu tư, lắp đặt công tơ điện tử theo chu kỳ từng giờ trong ngày và hệ thống kết nối với hệ thống thu thập dữ liệu từ xa của đơn vị điện lực, bảo đảm thiết bị phù hợp với quy định của pháp luật.

- Không phát sản lượng điện dư vào hệ thống điện quốc gia và tự lắp đặt thiết bị chống phát ngược, tự chịu trách nhiệm đối với kiểm định về an toàn điện, tuân thủ các quy trình, quy chuẩn quản lý vận hành công trình điện và các quy định về điều kiện kỹ thuật, nghiệm thu an toàn theo quy định.

10. Thời gian dự kiến lắp đặt và thời gian hoàn thành:

## II. Hồ sơ kèm theo

1. Đối với các hộ dân, nhà ở riêng lẻ:

a) Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

b) Các hồ sơ, tài liệu (nếu có) liên quan đến công trình xây dựng hiện hữu (giấy phép xây dựng, nghiệm thu phòng cháy chữa cháy) làm căn cứ xác định công trình xây dựng đã được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức:

a) Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ và bản vẽ sơ đồ đấu nối điện.

b) Các hồ sơ, tài liệu (nếu có) liên quan đến công trình xây dựng hiện hữu (chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng, nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, kết quả nghiệm thu công trình xây dựng, báo cáo đánh giá/kế hoạch bảo vệ môi trường, giấy phép về môi trường) làm căn cứ xác định công trình xây dựng đã được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

### **III. Các cam kết**

[Tên tổ chức/cá nhân] thực hiện xây dựng, lắp đặt, vận hành điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát triển với các cam kết như sau:

- Bảo đảm an toàn công trình, phòng cháy chữa cháy, công tác bảo vệ môi trường trước, trong khi lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;

- Mua sắm, xây dựng, lắp đặt hệ thống các thiết bị phục vụ phát điện tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật. Không sử dụng các tấm quang điện, thiết bị chuyển đổi điện một chiều thành điện xoay chiều nhập khẩu đã qua sử dụng;

- Thực hiện tiến độ đúng với thời hạn đăng ký phát triển tại điểm 6 Mục I nêu trên;

- Bảo đảm an toàn xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy trong vận hành.

- Không vi phạm các hành vi trái quy định trong quá trình phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

### **IV. Thông tin trả kết quả hồ sơ**

1. Tên cơ quan, tổ chức/hộ gia đình đăng ký:

2. Địa chỉ:

3. Đề nghị trả kết quả qua Email:

Để có cơ sở triển khai thực hiện lắp đặt theo quy định, Tổ chức/Hộ gia đình



chúng tôi đề nghị Sở Công Thương tỉnh/Thành phố.... căn cứ theo quy định tiếp nhận hồ sơ, xem xét chấp thuận.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  
**(ký, ghi rõ họ tên)**

**Biểu mẫu 05**

**(Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm  
Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng.....năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ  
TỰ SẢN XUẤT, TỰ TIÊU THỤ**

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ..... tháng..... năm 2024 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia;

Căn cứ Giấy đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ của..... (tổ chức/cá nhân) ngày ... tháng ... năm ... và các tài liệu kèm theo;

Căn cứ ý kiến của đơn vị điện lực, chứng nhận:

**(Tên tổ chức, cá nhân)**.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....Email:.....

Đã đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.... (có đấu nối với hệ thống điện quốc gia/không đấu nối với hệ thống điện quốc gia).

Sản lượng điện dư: .....(có phát/ không phát vào hệ thống điện quốc gia trong trường hợp có đấu nối với hệ thống điện quốc gia)

Mái của công trình (nhà ở/nhà xưởng sản xuất/trụ sở...)....

Diện tích mái nhà (m<sup>2</sup>).....

Địa chỉ tại:.....

Công suất được lắp đặt (kW): .....

Thời gian hoàn thành lắp đặt (theo Giấy đăng ký):...

Yêu cầu tổ chức/cá nhân triển khai các thủ tục về đầu tư, xây dựng điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, môi trường, điện lực và pháp luật khác có liên quan.

Các yêu cầu khác (nếu có theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức):

Giấy chứng nhận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Giấy chứng nhận số .../GCN-SCT ngày ..../.../....hết hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành Giấy chứng nhận này.

***Nơi nhận:***

- Tổ chức/cá nhân đăng ký phát triển;
- Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường, Công ty điện lực, cơ quan liên quan;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**QUY TRÌNH 03****Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ  
có đấu nối với hệ thống điện quốc gia**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>Stt</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, nhà ở riêng lẻ phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có công suất lắp đặt dưới 100 kW thực hiện: - Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia (theo mẫu) (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)	01	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: bản chính - Nộp trực tuyến: bản chính điện tử
2	Tổ chức, cá nhân trước khi lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có công suất từ 100kW đến dưới 1.000 kW: - Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia (theo mẫu) (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024). - Hồ sơ thiết kế lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.	01	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: bản chính - Nộp trực tuyến: bản chính điện tử

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Phí thẩm định</b>
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện hoặc	Không quy định	Không

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
hồ sơ gửi qua Cổng dịch vụ công của Thành phố tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>		

## II. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục IV	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	<b>Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ</b>	Bộ phận một cửa	Không quy định	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục IV	<p><b>Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: - Tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và kết thúc hồ sơ, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn theo BM 01.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> </ul> <p><b>Tiếp nhận hồ sơ gửi qua bưu điện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: Tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và kết thúc hồ sơ, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>theo BM 01.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> </ul> <p><b>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>câu =&gt; thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>- Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử. Tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn cập nhật.</p>

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Thông báo theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Thông báo theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024
3	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

- Quyết định số 3056/QĐ-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.



**Mẫu số 04**

(Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm  
Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2024)

TÊN TỔ CHỨC/HỘ GIA ĐÌNH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

**Phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ  
có đấu nối với hệ thống điện quốc gia**

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số ...../2024/NĐ-CP ngày ..... tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;

Tổ chức/cá nhân/hộ gia đình thông báo triển khai điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia với các nội dung sau:

**I. Thông tin chung**

1. Tổ chức/cá nhân/hộ gia đình

a) Tên:

b) Địa chỉ:

c) Số điện thoại:

d) Email (nếu có):

đ) Mã số khách hàng sử dụng điện:

2. Vị trí lắp đặt:

3. Thông tin mô tả sơ bộ về công trình xây dựng:

a) Kết cấu: Bê tông cốt thép/Khung thép/...; mái bê tông/mái tôn/...

b) Chiều cao công trình:

c) Diện tích mái:

4. Công suất lắp đặt (kW): (tổng công suất định mức của các bộ chuyển đổi nghịch lưu - inverter).

5. Phương án xử lý sản lượng điện dư (*chọn 1 trong 2 phương án sau*):

- Đồng ý phát sản lượng điện dư vào hệ thống điện quốc gia và chịu trách nhiệm đầu tư, lắp đặt công tơ điện tử theo chu kỳ từng giờ trong ngày và hệ thống kết nối với hệ thống thu thập dữ liệu từ xa của đơn vị điện lực, bảo đảm thiết bị phù hợp với quy định của pháp luật.

- Không phát sản lượng điện dư vào hệ thống điện quốc gia và tự lắp đặt thiết bị chống phát ngược, tự chịu trách nhiệm đối với kiểm định về an toàn điện, tuân thủ các quy trình, quy chuẩn quản lý vận hành công trình điện và các quy định về điều kiện kỹ thuật, nghiệm thu an toàn theo quy định.

6. Thời gian dự kiến lắp đặt và thời gian hoàn thành:

## **II. Hồ sơ kèm theo**

1. Đối với các hộ dân, nhà ở riêng lẻ:

a) Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

b) Các hồ sơ, tài liệu (nếu có) liên quan đến công trình xây dựng (giấy phép xây dựng, nghiệm thu phòng cháy chữa cháy) làm căn cứ xác định công trình xây dựng đã được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức:

a) Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ và bản vẽ sơ đồ đấu nối điện.

b) Các hồ sơ, tài liệu (nếu có) liên quan đến công trình xây dựng (chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng, nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, kết quả nghiệm thu công trình xây dựng, báo cáo đánh giá/kế hoạch bảo vệ môi trường, giấy phép về môi trường) làm căn cứ xác định công trình xây dựng đã được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

## **III. Các cam kết**

[Tên tổ chức/cá nhân] thực hiện xây dựng, lắp đặt, vận hành điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ cam kết như sau:

- Bảo đảm an toàn công trình, phòng cháy chữa cháy, công tác bảo vệ môi trường trước, trong khi lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;
- Mua sắm, xây dựng, lắp đặt hệ thống các thiết bị phục vụ phát điện tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật. Không sử dụng các tấm quang điện, thiết bị chuyển đổi điện một chiều thành điện xoay chiều nhập khẩu đã qua sử dụng;
- Thực hiện tiến độ đúng với thời hạn đăng ký phát triển tại điểm 6 Mục I nêu trên;
- Bảo đảm an toàn xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy trong vận hành.
- Không vi phạm các hành vi trái quy định trong quá trình phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 544/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công  
trực tuyến do Sở Y tế quản lý năm 2025**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi*

*hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1185/SYT-VP ngày 05 tháng 02 năm 2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến**

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử do Sở Y tế quản lý (kèm theo phụ lục 1).

Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến đã bị bãi bỏ do Sở Y tế quản lý (kèm theo phụ lục 2).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tái sử dụng cơ sở dữ liệu đã được số hóa, lưu trữ số, cung cấp kết quả điện tử khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

## 2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Y tế quản lý năm 2025.

## **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**Phụ lục 1**

**Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến  
do Sở Y tế quản lý năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Đơn vị khác	Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Y tế</b>							
1	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
2	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
3	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
								06/01/2025
4	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh.	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
5	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
6	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
7	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
8	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
9	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y,	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày



		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
	người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền						06/01/2025	
10	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
11	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
12	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
13	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
	bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng							
14	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
15	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
16	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
17	Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
18	Đăng ký hành nghề	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
19	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
	sơ nộ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng						06/01/2025	
20	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
21	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyên tiếp đối với hồ sơ nộ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
22	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
23	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày	

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
								06/01/2025
24	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	X					X	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Dược - Mỹ phẩm</b>							
25	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
26	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
27	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
28	Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
29	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
30	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
	gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ							53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
31	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
32	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
33	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
34	Cấp lần đầu và Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
	nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).							
35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
36	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
37	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
	quyền của Sở Y tế							
38	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
39	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
40	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
41	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
42	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
43	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
44	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
45	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
46	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
47	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
48	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày



		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
	định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT						06/01/2025	
49	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
50	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
51	Cấp phép nhập khẩu thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
52	Cung cấp thuốc phóng xạ	X				X		
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Trang thiết bị y tế</b>							
53	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế.	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
54	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B.	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	
55	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D.	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực y tế dự phòng</b>							
56	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
57	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
58	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
59	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
60	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
61	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	X					X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
62	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
								06/01/2025
63	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
64	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
65	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
66	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
67	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
68	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
69	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
70	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
71	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
72	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
73	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
74	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
	và y tế							
75	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV				X	X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực tổ chức cán bộ</b>							
76	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
77	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Y, dược cổ truyền</b>							
78	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
79	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
	khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT							06/01/2025
80	Cấp lại giấy chứng nhận lương y.	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
81	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền.	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
82	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền.	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực đào tạo</b>							
83	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố.	X				X		Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực y tế dự phòng - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố</b>							
84	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng				X	X		Thay thế DVCTT trong QĐ

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
								53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
85	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
86	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
87	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
88	Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
89	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực Giám định y khoa - Trung tâm Giám định y khoa</b>							
90	Hồ sơ khám giám định Hội đồng xác định mức độ khuyết tật địa phương không đưa ra được kết luận về dạng tật, mức độ khuyết tật.				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
91	Hồ sơ khám giám định cho trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
92	Thủ tục Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
93	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
94	Hồ sơ khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
95	Hồ sơ khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
96	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
97	Hồ sơ khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025



		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
98	Khám giám định tổng hợp				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
99	Hồ sơ khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025
100	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định.				X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Phụ lục 2**

**Danh mục dịch vụ công trực tuyến đã bị bãi bỏ do Sở Y tế quản lý năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến		Quyết định phê duyệt DVCTT	Lý do bãi bỏ
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Đơn vị khác	Toàn trình	Một phần		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Dược - Mỹ phẩm</b>								
1	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	X				X		QĐ 5460/QĐ-UBND, ngày 29/11/2024	Bãi bỏ tại Quyết định số 5603/QĐ-UBND ngày 05/12/2024
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực y tế dự phòng</b>								
2	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc	X				X		QĐ 5460/QĐ-UBND, ngày 29/11/2024	Bãi bỏ tại Quyết định số 5603/QĐ-UBND ngày

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến			
	phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự								05/12/2024
3	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	X				X		QĐ 5460/QĐ-UBND, ngày 29/11/2024	Bãi bỏ tại Quyết định số 5603/QĐ-UBND ngày 05/12/2024
4	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	X				X		QĐ 5460/QĐ-UBND, ngày 29/11/2024	Bãi bỏ tại Quyết định số 5603/QĐ-UBND ngày 05/12/2024
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực y tế dự phòng - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố</b>								
5	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng				X	X		QĐ 5460/QĐ-UBND, ngày 29/11/2024	Bãi bỏ tại Quyết định số 5603/QĐ-UBND ngày 05/12/2024
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Giám định y khoa</b>								

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến			
6	Khám giám định y khoa đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 56 Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.				X		X	QĐ số 53/QĐ-UBND, ngày 06/01/2025	Bãi bỏ tại Quyết định số 175/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ Y tế
7	Khám giám định y khoa lần đầu đối với Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 57 Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ				X		X	QĐ số 53/QĐ-UBND, ngày 06/01/2025	Bãi bỏ tại Quyết định số 175/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ Y tế
8	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót mảnh kim phí quy định tại Nghị định số				X		X	QĐ số 53/QĐ-UBND, ngày 06/01/2025	Bãi bỏ tại Quyết định số 175/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ Y

		Cấp thực hiện				Dịch vụ công trực tuyến			
	131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng								tế
9	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời, trường hợp bổ sung vết thương quy định tại Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng				X		X	QĐ số 53/QĐ-UBND, ngày 06/01/2025	Bãi bỏ tại Quyết định số 175/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ Y tế
10	Khám giám định thương tật lần đầu quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định				X		X	QĐ số 53/QĐ-UBND, ngày 06/01/2025	Bãi bỏ tại Quyết định số 175/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ Y tế

		<b>Cấp thực hiện</b>				<b>Dịch vụ công trực tuyến</b>			
	chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với Cách mạng								

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 550/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quốc tịch  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 683/TTr-STP-VP ngày 03 tháng 02 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố các thủ tục có thứ tự A.1, A.2, A.3, A.4, A.5 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực quốc tịch, hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh)	100.000 đồng/trường hợp * Miễn phí đối với các trường hợp sau: - Người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là thành viên. - Kiêu bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch;
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh)	3.000.000 đồng/trường hợp * Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa,	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</p>	<p>tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số</p>
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh)	<p>2.500.000 đồng/trường hợp</p> <p>* Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau:</p> <p>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</p>	<p>02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh)	2.500.000 đồng/trường hợp	07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền: - 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam. - 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: 141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh)	100.000 đồng/trường hợp * Miễn phí đối với các trường hợp sau: - Người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; - Kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng